

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ CÔNG TÁC GIẢNG DẠY VÀ HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH NGÀNH DÂN TỘC HỌC

LÊ NGỌC THĂNG

"**H**ề công tác giảng dạy và hướng dẫn Nghiên cứu sinh ngành Dân tộc học" là một vấn đề quan trọng, bổ ích và rất cần thiết, có ý nghĩa không chỉ đối với công tác đào tạo cán bộ khoa học có trình độ cao của Viện mà còn có ý nghĩa nhiều mặt với sự phát triển của ngành Dân tộc học trước nhu cầu phát triển hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước.

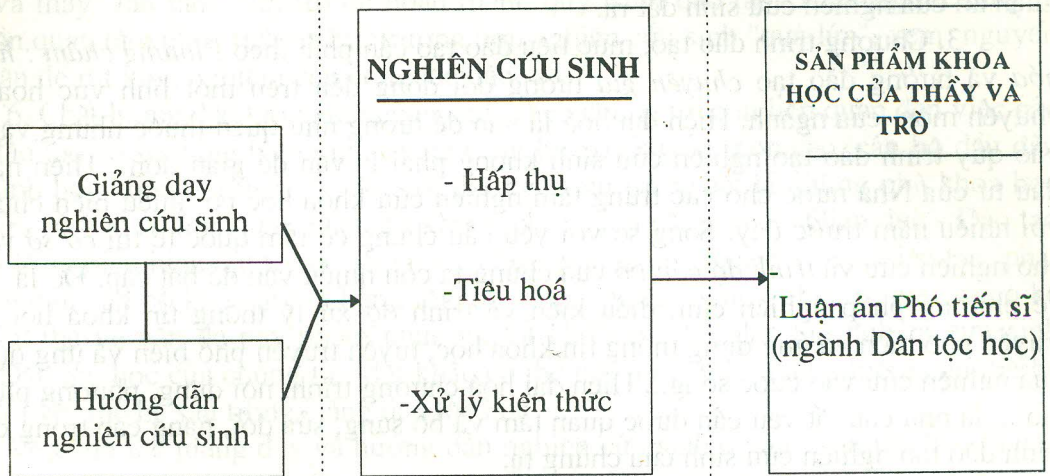
Những năm qua khi nguồn đào tạo Nghiên cứu sinh ở nước ngoài giảm dần, từng bước ở trong nước chúng ta đã tiến hành đào tạo nghiên cứu sinh ngày càng tăng, đáp ứng phần nào nhu cầu phát triển và đòi hỏi của ngành và xã hội. Đó là nét mới trong sự phát triển của ngành Dân tộc học Việt Nam, một thành tựu cần đáng ghi nhận cùng với nhiều hoạt động khác như sự ra đời Hội Dân tộc học, thành lập Bảo tàng Dân tộc học... Số lượng các nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án Phó tiến sĩ hiện đã và đang phát huy tác dụng ở các cơ quan trung ương (các Viện nghiên cứu, các Viện Bảo tàng, các Trường đại học...) và địa phương (các Sở văn hoá...). Tuy nhiên việc nâng cao chất lượng đào tạo Nghiên cứu sinh đòi hỏi thường xuyên và tất yếu trong công tác đào tạo cán bộ chuyên môn của chúng ta.

Mặt khác thời gian qua, từ thực tiễn công tác đào tạo nghiên cứu sinh, chúng tôi đồng cảm với Viện Dân tộc học, đã đến lúc chúng ta có thể và cần nhìn lại công tác đào tạo nghiên cứu sinh, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm, những phát hiện vấn đề về các thành tố liên quan đến *kết quả hợp thành chất lượng* đào tạo nghiên cứu.

Chúng ta có thể thấy, hiện nay các cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh ngành Dân tộc học chủ yếu ở hai trung tâm : Trung tâm khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (Viện Dân tộc học), Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Bộ môn Dân tộc học, khoa Lịch sử). Mỗi cơ sở đào tạo có những thế mạnh, điều kiện riêng nhưng kết quả đào tạo là sản phẩm của ngành, được "Hội đồng chấm luận án Nhà nước" đánh giá, thông qua. Tuy nhiên cơ sở đào tạo có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo nghiên cứu sinh, đến phong cách khoa học của cán bộ được đào tạo.

Thực trạng công tác đào tạo Nghiên cứu sinh của ngành chúng ta hiện nay theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giảng dạy cho Nghiên cứu sinh vừa theo nguyên tắc chung với những *môn cơ sở và ngoại ngữ* (triết học, ngoại ngữ...), *chuyên môn rộng, chuyên môn hẹp*. Số tiết từng môn, số lượng thời gian, quy trình đào tạo (từ xác định đề tài, bảo vệ đề cương, thông qua bản thảo, bảo vệ cấp cơ sở, bảo vệ chính thức...). Yếu tố *giảng dạy và hướng dẫn* nghiên cứu sinh là yếu tố *điều kiện* và yếu tố *khách quan* tác động vào *nghiên cứu sinh*, nhưng mọi kết quả của quy trình đó thông qua nghiên cứu sinh (quá trình hấp thụ, tiên hoá, xử lý tri thức) và được phản ánh vào công trình khoa học - Luận án Phó tiến sĩ khoa học. Kết quả của luận án là biểu hiện tập trung kết quả lao động khoa học của cơ sở đào tạo mà trực tiếp là Thầy

(cán bộ hướng dẫn khoa học trực tiếp) và Trò (nghiên cứu sinh). Có thể hình dung theo sơ đồ sau :



(1)

- * Yếu tố chủ quan của cơ sở đào tạo
- * Yếu tố khách quan, điều kiện đối với nghiên cứu sinh

(2)

- * Đối tượng của cơ quan đào tạo (cơ sở đào tạo)
- * Yếu tố chủ quan phản ánh kết quả của đào tạo

(3)

- * Kết quả đào tạo nghiên cứu sinh
- * Đánh giá cấp nhà nước
- * Đánh giá của xã hội

Trên cơ sở quy chế đào tạo của Bộ giáo dục - Đào tạo, nhìn lại công tác giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh ngành Dân tộc học của chúng ta bên cạnh những kết quả đạt được chúng tôi thấy có một số vấn đề cần trao đổi như sau :

1. Trong chương trình đào tạo nghiên cứu sinh chúng ta (trong phạm vi có thể chủ động về nội dung giảng dạy) chưa chú ý đúng mức đến *số tiết* và *nội dung về phương pháp nghiên cứu* cho nghiên cứu sinh. Mọi nghiên cứu sinh đến với các cơ sở đào tạo đều có những phương pháp nghiên cứu ở những mức độ khác nhau. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là sau khi được đào tạo, nghiên cứu sinh hơn hẳn và vững chắc về phương pháp nghiên cứu (so với trước khi được đào tạo). Quy trình đó được thể hiện sinh động qua kết quả hoạt động khoa học thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

Mỗi luận án Phó tiến sĩ được bảo vệ thành công ngoài giá trị thực tiễn và lý luận, còn là thành công của một phương pháp tiếp cận khoa học,... Trong rất nhiều vấn đề cần quan tâm trong công tác đào tạo nghiên cứu sinh chúng ta muốn chúng ta quan tâm hơn nữa vấn đề này.

2. Hội đồng khoa học của cơ sở đào tạo (Viện, Trường...) theo chúng tôi đến thời điểm hiện nay đã đến lúc xem lại, bổ sung, nâng cao chương trình chuyên môn rộng và hẹp đào tạo nghiên cứu sinh. Bên cạnh phương pháp nghiên cứu (rộng và hẹp) cần giảng dạy cho nghiên cứu sinh *kiến thức chuyên môn sâu và kiến thức liên ngành*

trực tiếp. Với tính chất là một ngành cơ bản, quan trọng thuộc khoa học Xã hội và Nhân văn, ngành Dân tộc học của chúng ta có mối quan hệ sâu xa, nhiều chiều với nhiều lĩnh vực khoa học khác. Các kiến thức thuộc hệ thống liên ngành đối với khoa học Dân tộc học cần được xây dựng, làm nền tảng cho việc tiếp cận sâu và xử lý các vấn đề của Luận án của nghiên cứu sinh đặt ra.

3. Chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo cần phải theo *Phương châm : hiện đại hóa* và hướng đào tạo *chuyên gia* tương đối đồng đều trên một lĩnh vực hoạt động chuyên môn của ngành. Hiện đại hoá là vấn đề tưởng như quen thuộc nhưng vận dụng vào quy trình đào tạo nghiên cứu sinh không phải là vấn đề giản đơn. Hiện nay việc đầu tư của Nhà nước cho các trung tâm nghiên cứu khoa học có nhiều biến chuyển so với nhiều năm trước đây. Song so với yêu cầu chung có tầm quốc tế thì *cơ sở vật chất* cho nghiên cứu và *trình độ cán bộ* của chúng ta còn nhiều vấn đề bất cập. Đó là vấn đề về phương pháp nghiên cứu, điều kiện và trình độ xử lý thông tin khoa học, tuyên truyền phổ biến và ứng dụng thông tin khoa học, tuyên truyền phổ biến và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào cuộc sống... Hiện đại hoá chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo ... là nhu cầu tất yếu cần được quan tâm và bổ sung, sửa đổi, nâng cao trong chương trình đào tạo nghiên cứu sinh của chúng ta.

Thời gian qua các đề tài nghiên cứu sinh và nghiên cứu sinh tuỳ ý lựa chọn đề tài luận án. Về mặt nào đấy, tình hình đó phù hợp với thực tiễn quá trình tích lũy của nghiên cứu sinh. Các cơ sở đào tạo cũng như về ngành và nhà nước còn "thả nổi" đề tài cho thầy và trò thoải thuận mà thiếu một tầm quy hoạch, chỉ đạo có tính quốc gia, cân đối và tạo thế mạnh phát triển toàn diện cho các ngành. Mặc dù số lượng Phó tiến sĩ được đào tạo chưa nhiều, nhưng chúng ta có thể dễ dàng điểm thấy có lĩnh vực nhiều "chuyên gia", có lĩnh vực còn "trống vắng". Đây là chưa nói đến "sự chuyển giao thế hệ" cán bộ đầu đàn, phù hợp với chuyên gia. Điều đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố tuy nhiên dưới góc độ đào tạo và trách nhiệm đối với ngành với sự phát triển chung của đất nước, chúng tôi thiết tưởng rằng đây là vấn đề cần được suy nghĩ, điều tiết cho hợp lý hơn.

4. Để đào tạo nghiên cứu sinh được tốt vấn đề *tạo nguồn nghiên cứu sinh* (đầu vào) là công việc có ý nghĩa đến quy trình và chất lượng. Quá trình đào tạo nghiên cứu sinh đến nay cho chúng ta thấy không phải không có những nghiên cứu sinh bị "sa lầy" không kết thúc được quy trình đào tạo. Hạn chế đó thuộc về ai ? Cơ sở đào tạo hay tại "Trò" ? Điều đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng trước hết người bị "thiệt thòi" hay chịu "hậu quả" vẫn là nghiên cứu sinh. Do vậy vấn đề "tạo nguồn" nghiên cứu sinh ngoài nỗ lực của bản thân nghiên cứu sinh thì cơ sở có người là nghiên cứu sinh làm việc phải sớm định hướng, tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh chuẩn bị trước khi thực sự bước vào quy trình đào tạo. Nếu nghiên cứu sinh không có quá trình chuẩn bị thì sẽ gặp không ít khó khăn trong quá trình đào tạo, thậm chí khó khăn cho người hướng dẫn và cơ sở đào tạo. Điều này không hoàn toàn đồng nghĩa vướn việc "tuyển sinh" - tuyển vào đào tạo.

5. Vấn đề *kinh phí đầu tư* cho đào tạo nghiên cứu sinh là vấn đề có ý nghĩa tác động không nhỏ đến kết quả đào tạo. Máy năm gần đây, kinh phí chi đào tạo có nâng lên nhiều so với trước, song so với yêu cầu của từng cơ sở đào tạo và điều kiện của nghiên cứu sinh vẫn còn là vấn đề "thời sự" đặt ra. Ngoài kinh phí có tính "phản cứng"

ra, thì đa số nghiên cứu sinh phải "tự đầu tư" thêm để hoàn thành công việc. Chúng tôi thấy rằng cần đầu tư ưu tiên kinh phí ưu tiên hơn mức hiện có cho *thầy và trò*. Mức kinh phí được đầu tư phải làm sao cho nghiên cứu sinh tương đối an tâm bắt tay "vào cuộc" và thầy "tận tâm" với trò để hoàn thành quy trình đào tạo. Thiết nghĩ chúng ta cũng cần quan tâm phân tích những trường hợp nghiên cứu sinh "quá lứa", xem nguyên do vì đâu để rút kinh nghiệm cho công tác đào tạo.

6. Chất lượng đào tạo nghiên cứu sinh, theo chúng tôi còn liên quan đến việc các cơ sở đào tạo có sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, cán bộ đầu đàn của ngành hay không. Thước đo đối với đội ngũ trên trước hết là những nhà khoa học có *uy tín, có học vị, học hàm*. Điều đó không chỉ là yêu cầu của Bộ Giáo dục - Đào tạo mà còn là sự biểu hiện tập trung tiềm năng chuyên môn của ngành vào sự đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học. Chúng tôi cho rằng, chúng ta cần ý thức rõ hơn và có kế hoạch cụ thể về vấn đề này nhằm phục vụ tốt cho công tác đào tạo nghiên cứu sinh ngành Dân tộc học của chúng ta. Mặt khác có thể nói đó còn là trách nhiệm của thế hệ trước đối với thế hệ sau trong "làng dân tộc học"...

Về công tác giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh ngành Dân tộc học là vấn đề bổ ích, có ý nghĩa đến với đội ngũ cán bộ Dân tộc học của nước nhà. Tuy nhiên đây là vấn đề liên quan đến các cơ quan Đào tạo - Giáo dục về mặt Nhà nước và các lĩnh vực liên quan. Một số suy nghĩ bước đầu của chúng tôi về công tác này trên đây nhằm góp một ý kiến nhỏ vì sự phát triển của *đội ngũ và ngành* chúng ta trước yêu cầu phát triển của đất nước.

TẬP QUÁN SINH ĐỂ CỦA NGƯỜI ĐẠO..... (Xem tiếp trang 69)

dưỡng" hoặc hiếm con trước đây. Do đó, nghiên cứu các kinh nghiệm, tập quán sinh đẻ sẽ góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu các điều kiện sống và sự tác động của môi trường tự nhiên cũng như xã hội đến việc sinh đẻ.

CHÚ THÍCH

- (¹). Theo lời kể của ông Triệu Văn Hoa, người Dao Tiên ở Nà Săm xã Thượng Giáo huyện Ba Bể thì bệnh *pút puông* giống như cảm nặng: người rét run cầm cập, toàn thân lạnh ngắt, lưỡi cứng không ăn uống được.
- (²). Theo lời kể của ông Bàn Văn Phìa, người Dao tiên ở bản Nà Còi, xã Bành Trạch, Ba Bể.
- (³). Xem Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến, *Người Dao ở Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1971, trang 225
- (⁴). Theo lời kể của bà Lý Thị Chủ, người Dao Tiên ở bản Nà Còi, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể.